

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản

Ngày 30/09/2025	16,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.0%	-2.8%	-4.4%

DT thuần Q3/25	729	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 69.0	10.4%	
YoY: ▼34.0	-4.5%	

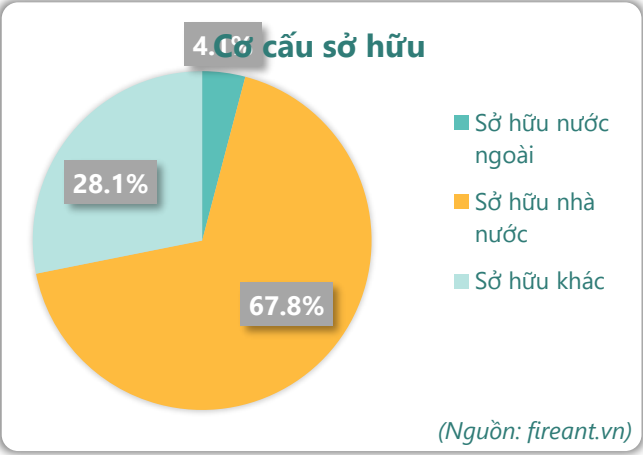
LN thuần Q3/25	25.2	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.00	38.7%	
YoY: ▼16.1	-38.9%	

LN sau thuế Q3/25	20.2	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.20	34.8%	
YoY: ▼12.9	-38.9%	

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25	3.9%	
YoY: +/-▲	0.6%	

ROE (TTM) Q3/25	6.1%	
YoY: +/-▼	1.2%	

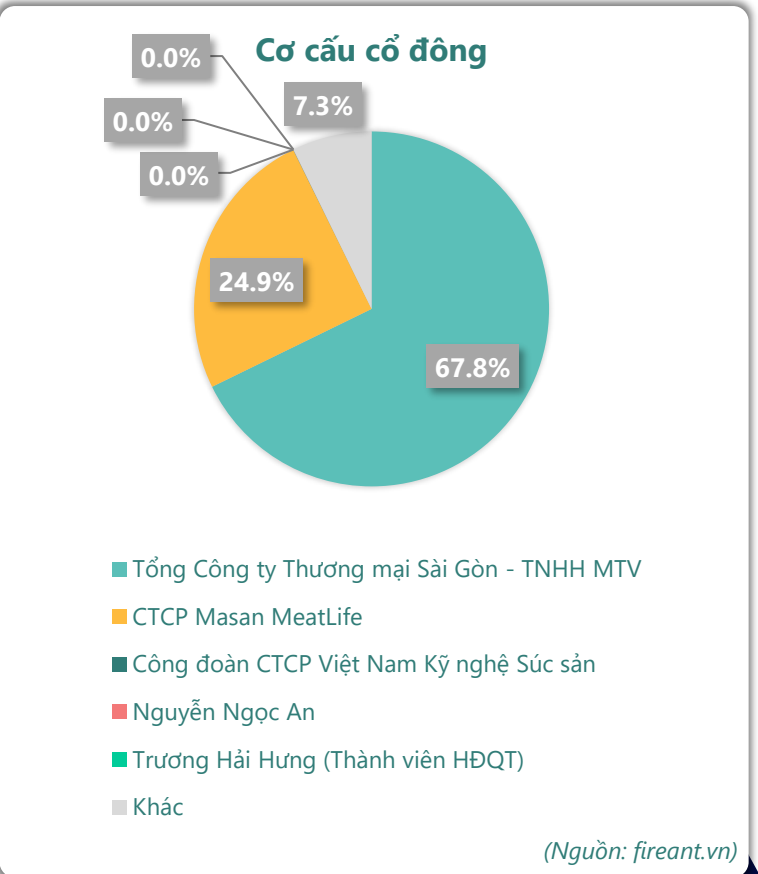
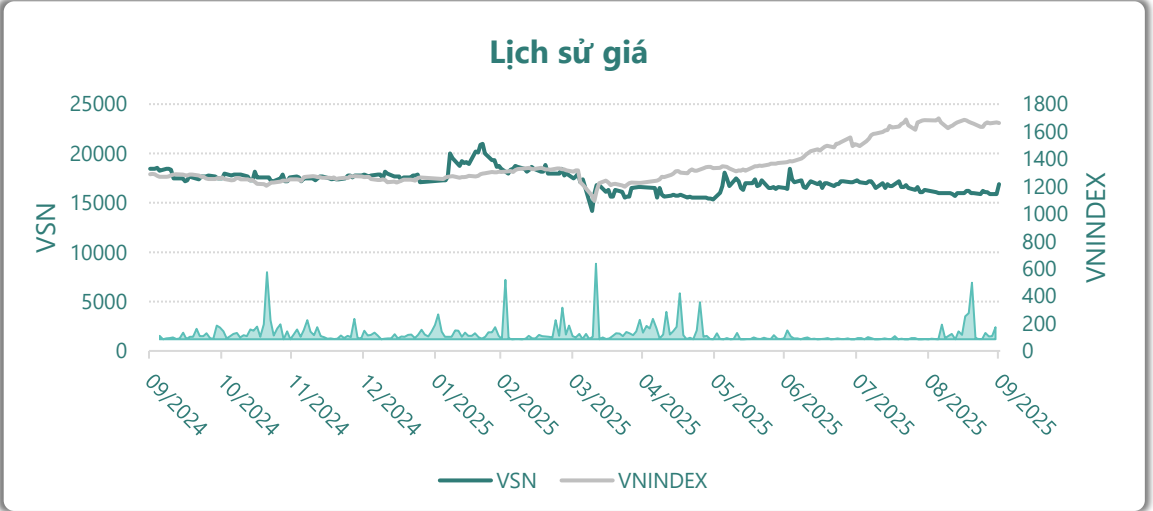
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	14,178 - 20,976
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,367
Số lượng CPLH (CP)	80,895,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,275
Sở hữu nước ngoài	4.1%
Beta	0.99
EPS	943
P/E	17.9



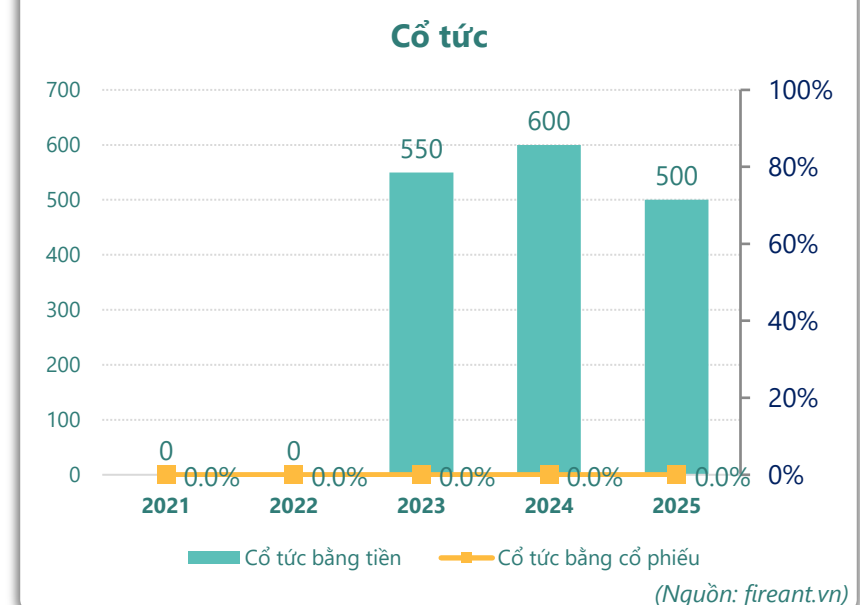
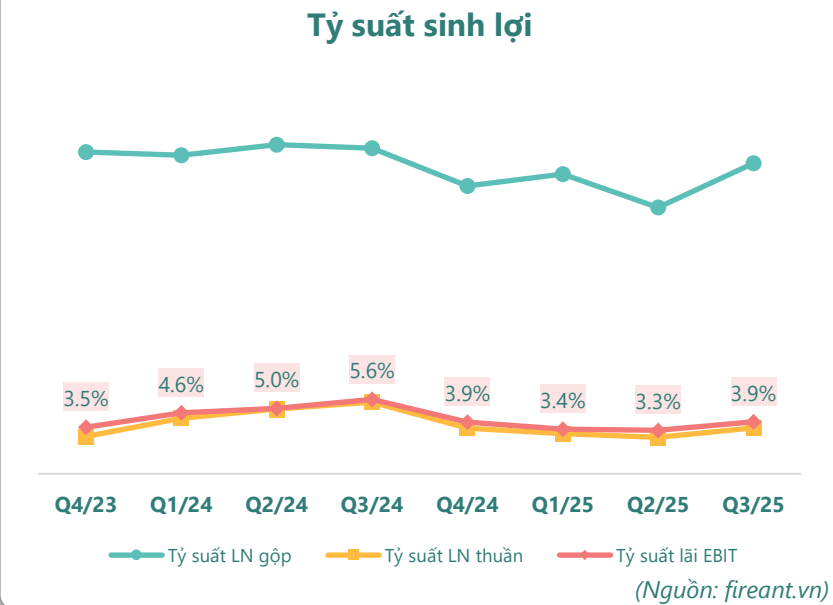
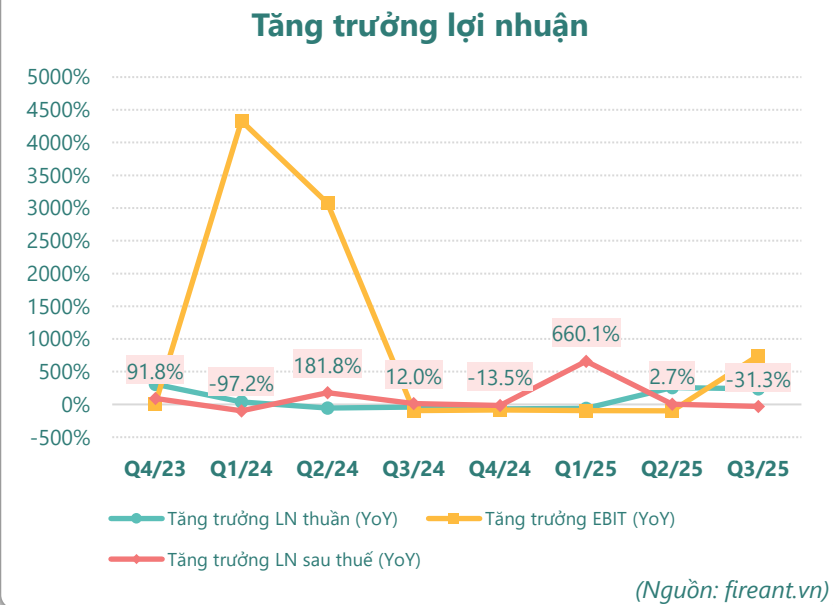
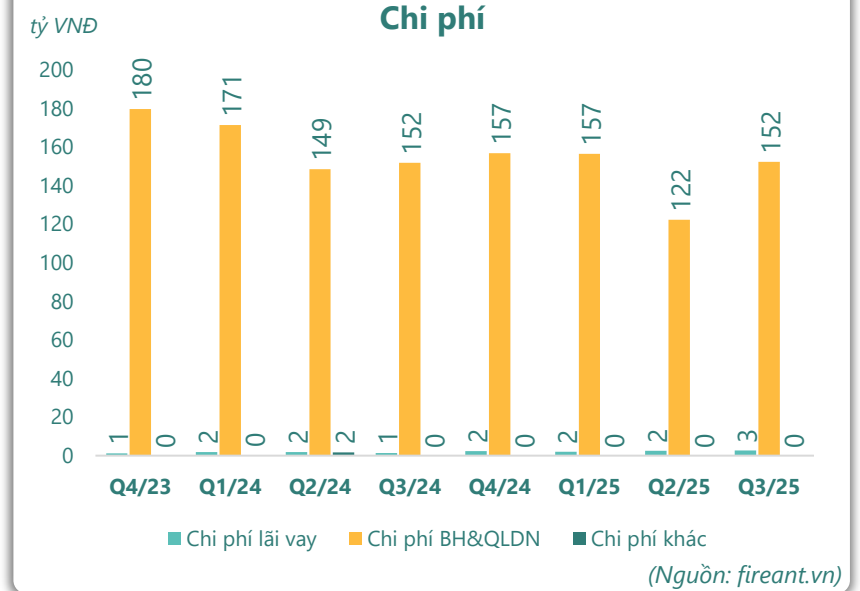
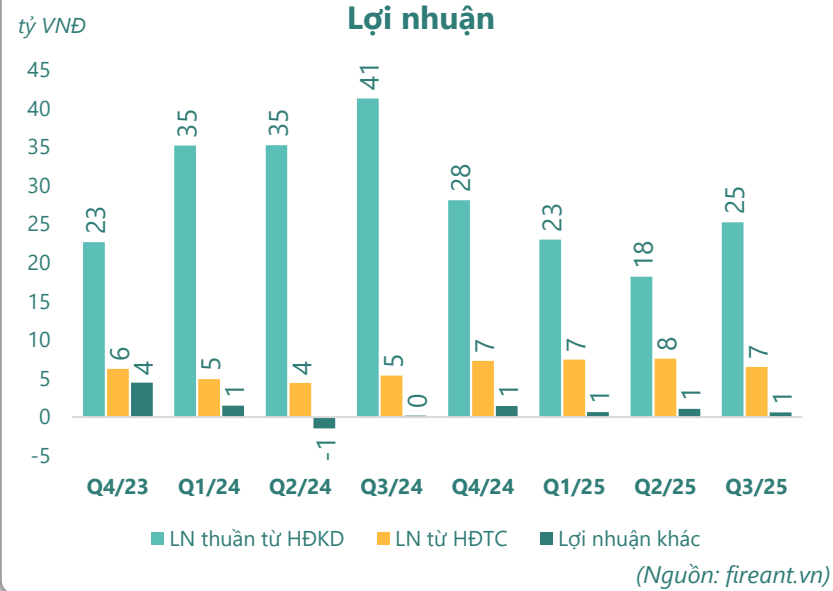
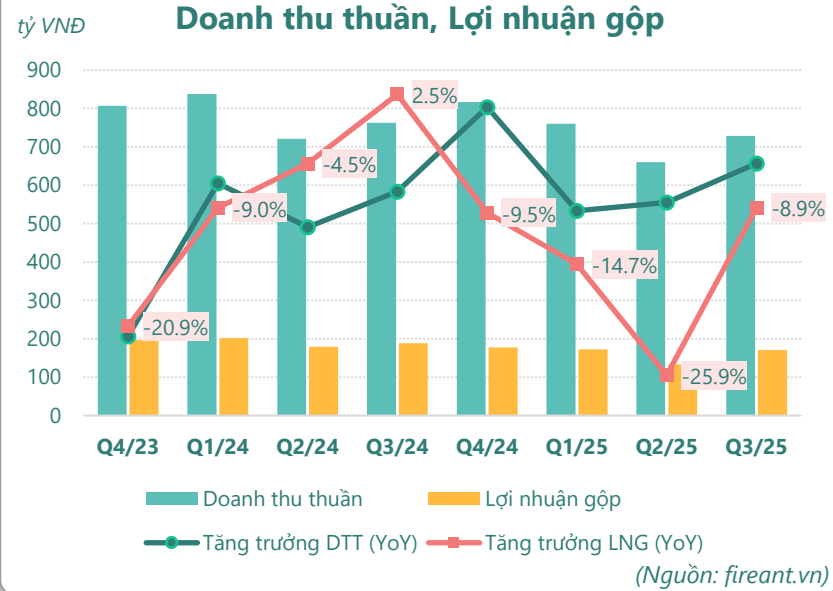
DT thuần 9T 2025	2,149	tỷ VNĐ
YoY: ▼172	-7.4%	

LN thuần 9T 2025	66.4	tỷ VNĐ
YoY: ▼45.6	-40.6%	

LN sau thuế 9T 2025	53.8	tỷ VNĐ
YoY: ▼34.9	-39.3%	



KẾT QUẢ KINH DOANH



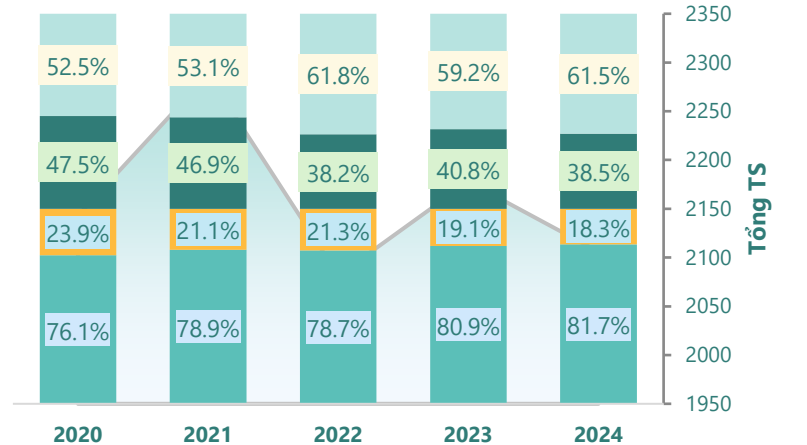


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

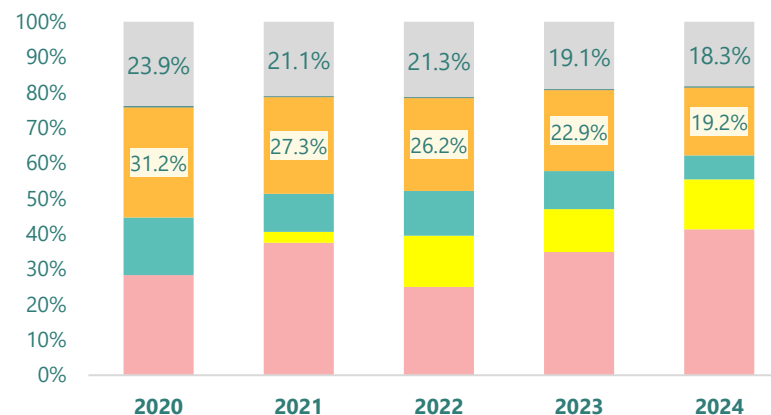
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

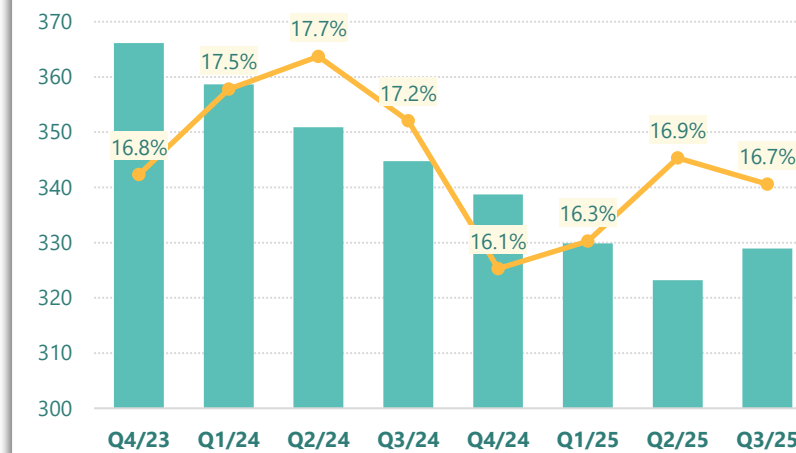
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

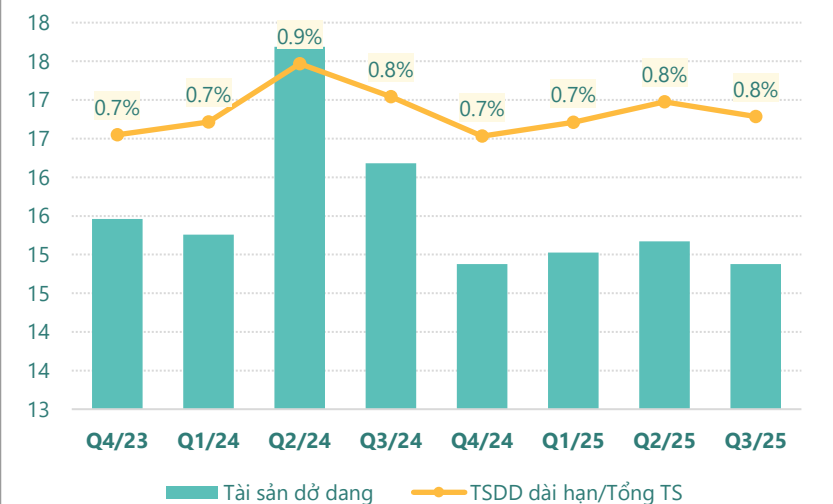
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

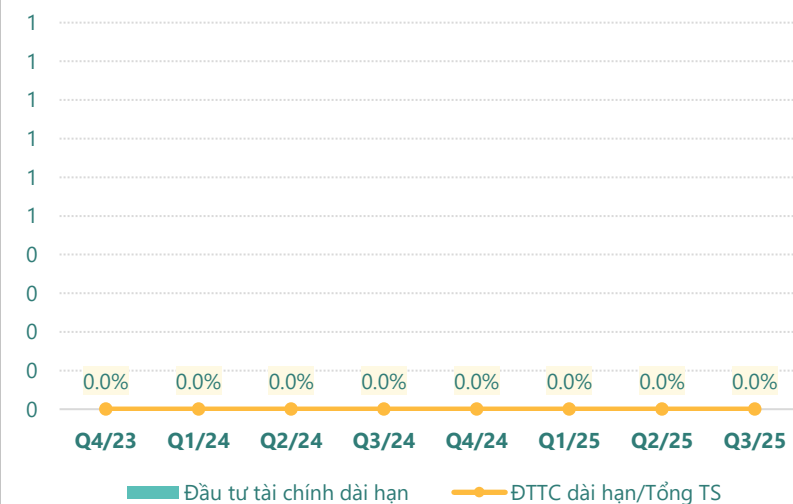
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

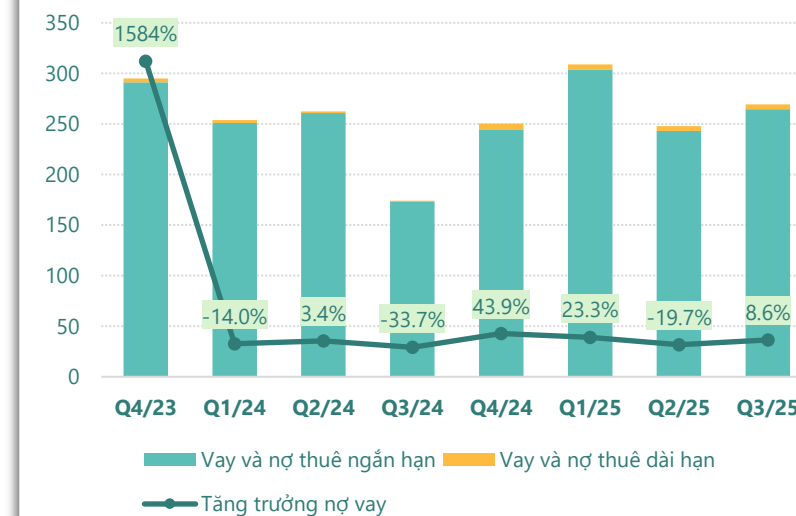
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

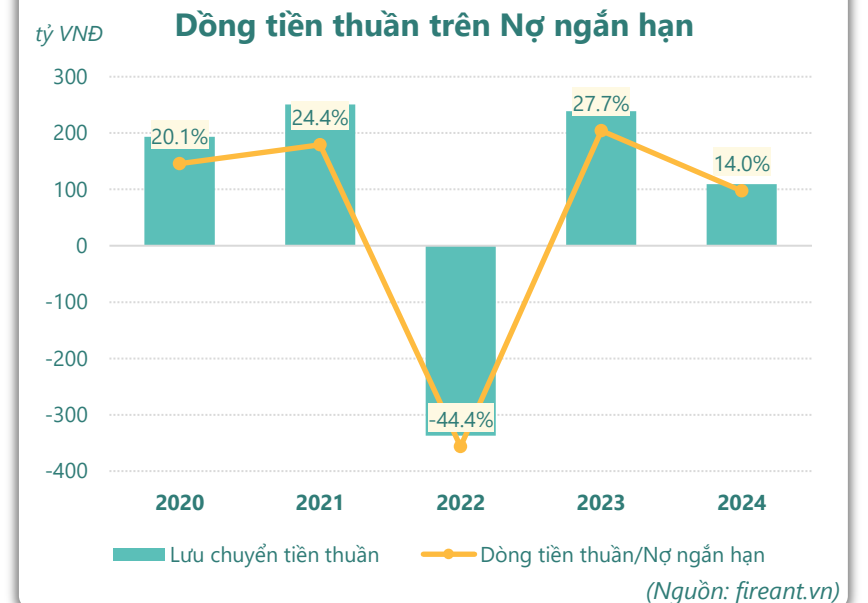
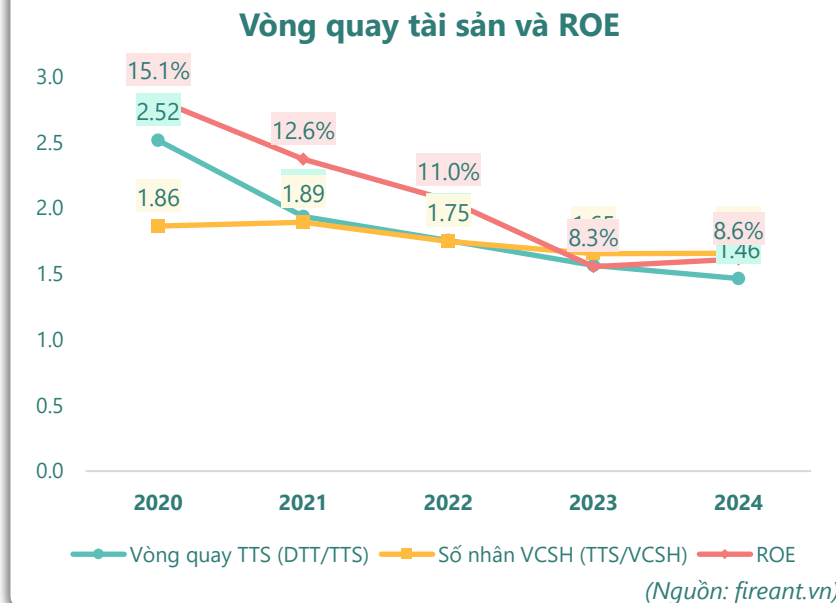
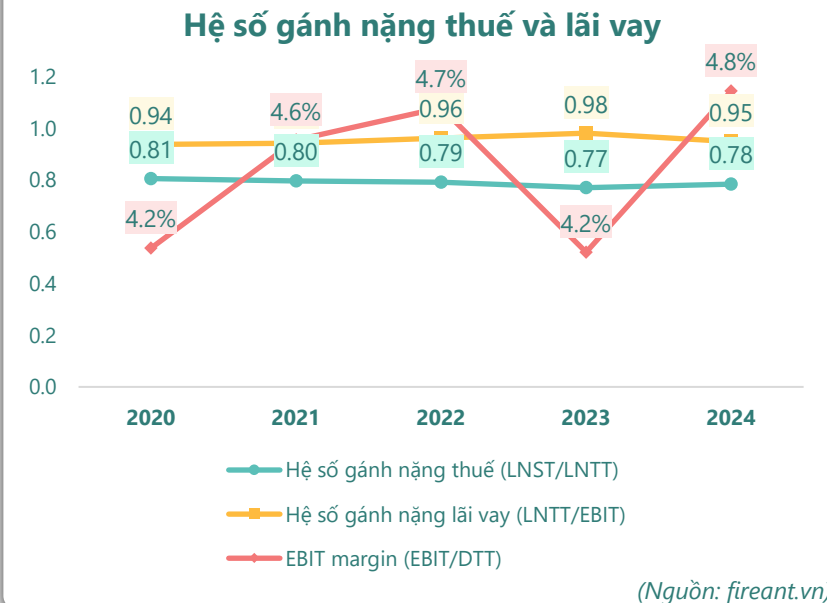
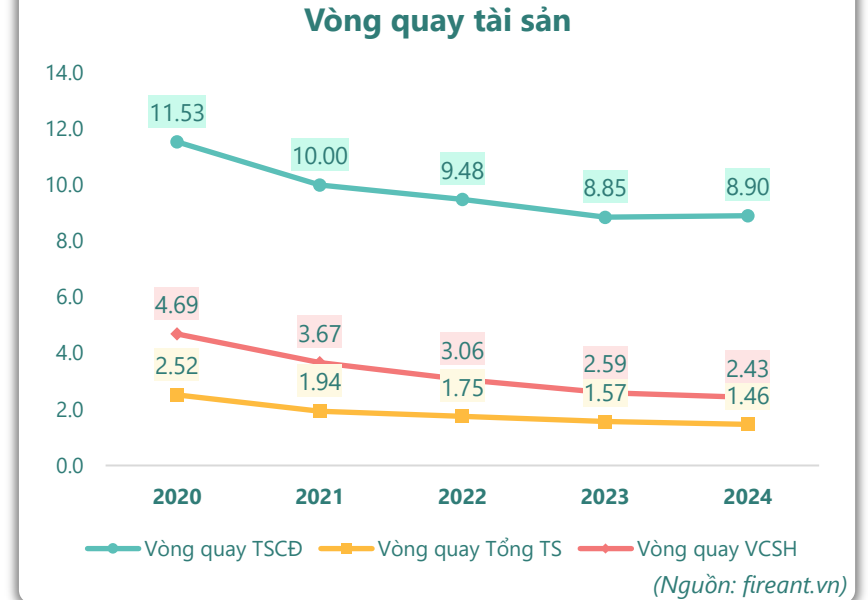
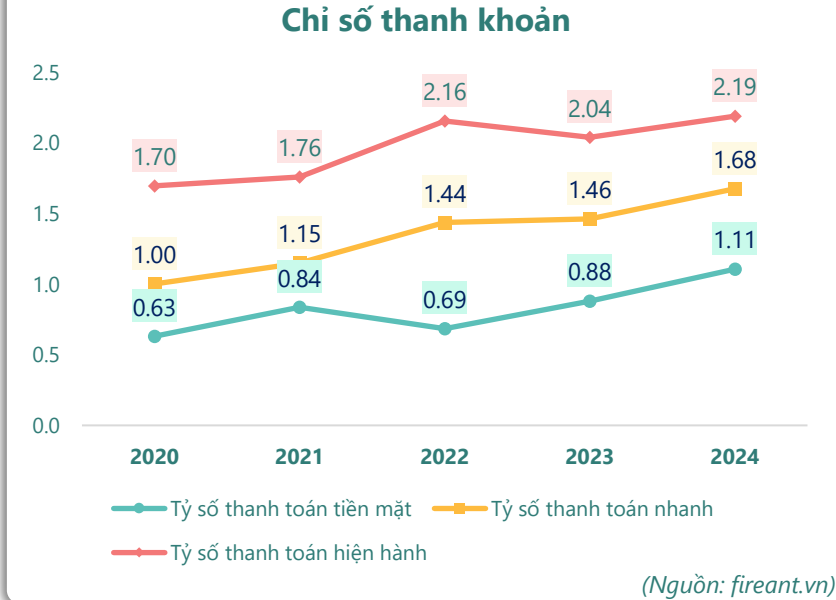
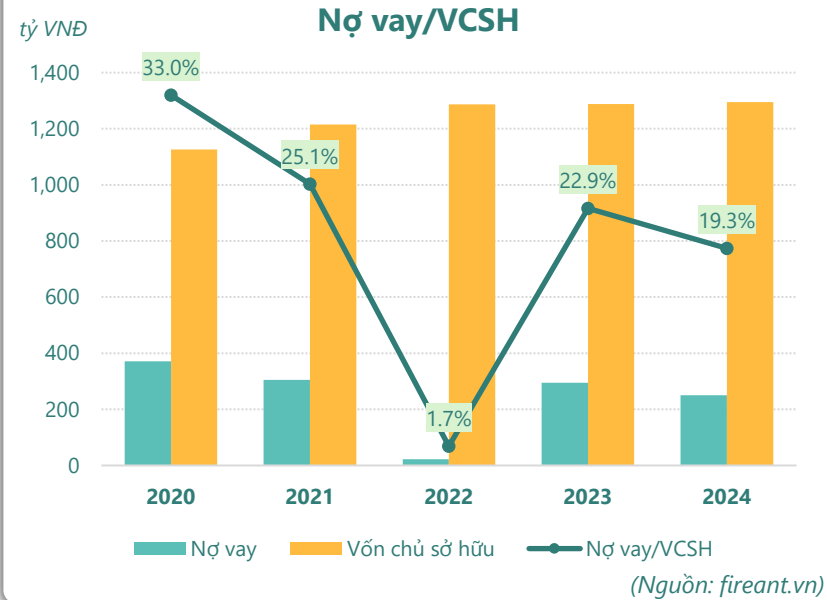
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	729	763	-4.5%	2,149	2,321	-7.4%
Giá vốn hàng bán	558	575	-3.0%	1,673	1,752	-4.5%
Lợi nhuận gộp	171	188	-9.0%	476	569	-16.3%
Doanh thu HĐTC	11.8	9.52	23.8%	36.3	28.2	28.7%
Chi phí TC	5.26	4.14	27.1%	14.7	13.5	9.2%
Chi phí lãi vay	2.72	1.39	95.8%	7.12	5.23	36.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	109	117	-6.9%	310	365	-15.1%
Chi phí QLDN	43.5	34.5	26.0%	121	107	13.5%
LN thuần từ HĐKD	25.2	41.3	-38.9%	66.4	112	-40.6%
Lợi nhuận khác	0.61	0.19	221%	2.33	0.22	948%
LN trước thuế	25.9	41.5	-37.7%	68.8	112	-38.6%
Lợi nhuận sau thuế	20.2	33.1	-38.9%	53.8	88.7	-39.3%
LNST của CĐ cty mẹ	20.2	33.1	-38.9%	53.8	88.7	-39.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-28.0	130	80.2	-143	-49.5	33.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.91	455	-260	-150	69.7	7.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.73	-88.4	27.9	58.4	-60.9	21.4
Tiền đầu kỳ	549	524	1,021	869	635	594
Lưu chuyển tiền thuần	-25.2	497	-152	-235	-40.7	62.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	-0.22	0.25	0.00	0.12	-0.10
Tiền cuối kỳ	524	1,021	869	635	594	656

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,965	2,106	-6.7%
Tài sản ngắn hạn	1,595	1,721	-7.3%
Tiền và tương đương tiền	656	869	-24.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	392	298	31.4%
Phải thu ngắn hạn	158	142	10.7%
Hàng tồn kho	374	404	-7.5%
Tài sản ngắn hạn khác	16.1	6.79	138%
Tài sản dài hạn	370	385	-4.0%
Phải thu dài hạn	5.02	5.23	-4.1%
Tài sản cố định	329	339	-2.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.9	14.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	21.1	26.5	-20.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	717	811	-11.6%
Nợ ngắn hạn	693	785	-11.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	265	245	8.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	217	353	-38.4%
Nợ dài hạn	23.3	25.9	-9.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.63	5.83	-20.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,249	1,295	-3.6%
Vốn chủ sở hữu	1,249	1,295	-3.6%
Vốn điều lệ	809	809	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

